

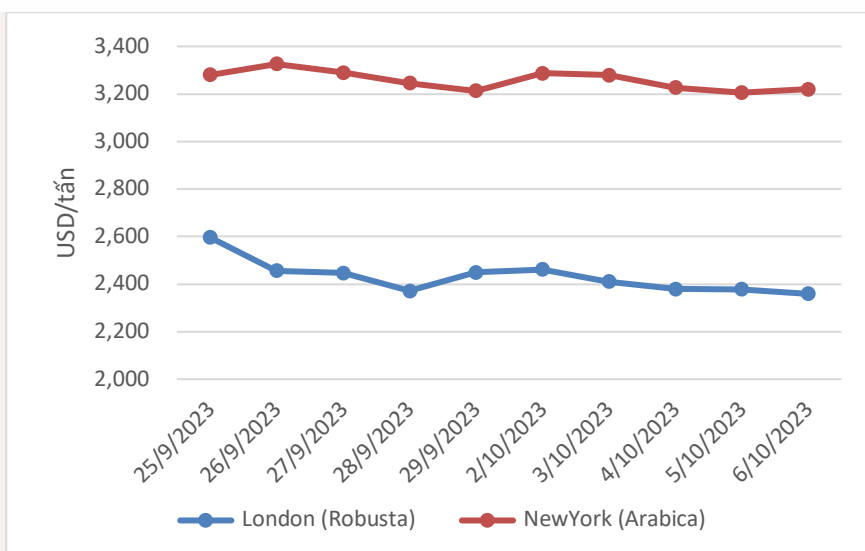
BẢN TIN TUẦN CÀ PHÊ

www.thitruongnongsan.gov.vn

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 11/2023 đạt mức bình quân 2.398 USD/tấn, giảm 2,70% so với tuần trước.
- ❖ Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 12/2023 đạt mức bình quân 3.244 USD/tấn, giảm 0,84% so với tuần trước.
- ❖ Nestlé đã hợp tác với Blue Marble để triển khai chương trình bảo hiểm thời tiết thí điểm cho hơn 800 nông dân trồng cà phê nhỏ lẻ ở Indonesia.
- ❖ Theo số liệu thống kê từ Eurostat, 7 tháng đầu năm 2023, Đức nhập khẩu cà phê từ thế giới đạt xấp xỉ 669.400 tấn, trị giá 2,6 tỷ EUR (tương đương 2,75 tỷ USD).

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE

Tuần 40, thị trường London 5 phiên giảm giá liên tiếp. Giá cà phê Robusta-kỳ hạn tháng 11/2023 trung bình đạt 2.398 USD/tấn, giảm 2,70% so với tuần trước, nhưng tăng 11% so với cùng kỳ năm 2022. Giá cao nhất trong tuần đạt 2.461 USD/tấn, giá thấp nhất là 2.359 USD/tấn.[1]

Thị trường New York, trong tuần có 3 phiên giảm giữ tuần và 2 phiên tăng ở đầu tuần và cuối tuần. Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 12/2023 bình quân đạt 3.244 USD/tấn, giảm 0,84% so với mức giá tuần trước, và giảm 32,9% so với cùng kỳ năm 2022. Giá cao nhất trong tuần đạt 3.287 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 3.206 USD/tấn. [1]

Indonesia

Nestlé đã hợp tác với Blue Marble để triển khai thí điểm chương trình bảo hiểm thời tiết cho hơn 800 nông dân trồng cà phê nhỏ lẻ ở Indonesia. Chương trình bảo hiểm này cung cấp sự bảo vệ tài chính cho nông dân trồng cà phê trong trường hợp thời tiết bất lợi, chẳng hạn như hạn hán hoặc mưa quá nhiều. [2]

Chương trình bảo hiểm sử dụng dữ liệu vệ tinh về khí hậu để xác định những thời điểm sản lượng cà phê bị ảnh hưởng bởi thời tiết. Các khoản thanh toán sẽ được tự động gửi đến những nông dân trồng cà phê đã đăng ký chương trình mà bị ảnh hưởng bởi thời tiết cực đoan và theo mức độ nghiêm trọng của các hiện tượng thời tiết. [2]

Sáng kiến này là một phần của Kế hoạch Nescafé 2030 nhằm hỗ trợ tính bền vững lâu dài của cà phê và giúp cải thiện đời sống của nông dân. [2]

Uganda

Uganda là một trong những nước sản xuất cà phê lớn nhất thế giới, với cây cà phê bản địa nổi tiếng với hương vị thơm ngon. Cà phê là một trong những mặt hàng xuất khẩu quan trọng nhất của Uganda, chiếm gần 1/3 tổng kim ngạch xuất khẩu với hơn 1,8 triệu hộ trồng cà phê. [3]

Tuy nhiên, cây cà phê chủ lực Arabica của Uganda đang gặp khó khăn do hiện tượng nóng lên toàn cầu. Chính phủ Uganda đang nỗ lực để thích ứng với những thay đổi khí hậu, bao gồm việc điều chỉnh phương pháp trồng cà phê mới. [3]

Đức

Theo số liệu thống kê từ Eurostat, 7 tháng đầu năm 2023, tổng nhập khẩu cà phê của Đức đạt xấp xỉ 669.400 tấn, trị giá 2,6 tỷ EUR (tương đương 2,75 tỷ USD), giảm 9,3% về lượng và giảm 16% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. [4]

Tính riêng tháng 7/2023, Đức nhập khẩu 88.900 tấn cà phê, trị giá 349 triệu EUR (tương đương 368,58 triệu USD), giảm 9,1% về lượng và giảm 11,8% về trị giá so với tháng 6/2023, so với tháng 7/2022 giảm 17% về lượng và giảm 26,3% về trị giá. [4]

Về giá nhập khẩu, tháng 7/2023, giá nhập khẩu bình quân cà phê của Đức từ thế giới đạt mức 3.924 EUR/tấn, giảm 3% so với tháng 6/2023 và giảm 11,2% so với tháng 7/2022. Lũy kế 7 tháng đầu năm 2023, giá nhập khẩu bình quân cà phê của Đức từ thế giới đạt mức 3.888 EUR/tấn, giảm 7,5% so với cùng kỳ năm trước. [4]

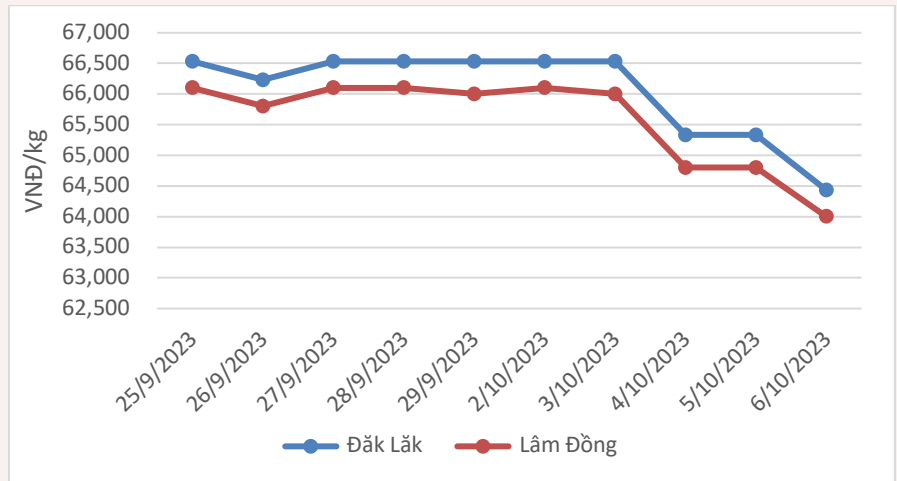
7 tháng đầu năm 2023, Đức nhập khẩu cà phê từ thị trường nội khối EU đạt 104.550 tấn, trị giá 613,2 triệu EUR (tương đương 647,54 triệu USD), tăng 20,5% về lượng và tăng 14,1% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, Đức tăng nhập khẩu cà phê từ nhiều thị trường, ngoại trừ Ý. [4]

Đối với thị trường ngoại khối EU, 7 tháng đầu năm 2023, Đức nhập khẩu cà phê từ các thị trường ngoại EU đạt 564.840 tấn, trị giá 1,99 tỷ EUR (tương đương 2,1 tỷ USD), giảm 13,2% về lượng và giảm 22,4% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, Đức giảm nhập khẩu cà phê từ nhiều thị trường ngoại khối, ngoại trừ Việt Nam và Honduras. [4]

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên tăng trong tuần này. Giá trung bình tại Đắk Lắk là 55.633 VNĐ/kg, và tại Lâm Đồng là 65.140 VNĐ/kg.
- ❖ Xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong tháng 9/2023 ước tính đạt 65 nghìn tấn, trị giá 205 triệu USD.
- ❖ 7 tháng đầu năm 2023, Đức nhập khẩu cà phê từ Việt Nam đạt 156,3 nghìn tấn, trị giá 332,55 triệu EUR (tương đương 351,18 triệu USD).
- ❖ 9 tháng đầu năm 2023, giá xuất khẩu bình quân cà phê của Việt Nam vẫn ở mức cao, ước đạt 2.499 USD/tấn, tăng 9,9% so với cùng kỳ năm 2022.

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



Nguồn: CTV AgroInfo

Giá cà phê trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này đồng giảm so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê Robusta bình quân trong tuần đạt 65.473 VNĐ/kg, giảm 1,26% so với tuần trước so với tuần trước, nhưng tăng 40,38% so với cùng kỳ năm 2022. Tại Lâm Đồng, giá cà phê Robusta bình quân 65.140VNĐ/kg, giảm 1,33% so với tuần trước, nhưng tăng 40,33% so với cùng kỳ năm 2022. [5]

Theo Theo số liệu thống kê từ Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat), 7 tháng đầu năm 2023, Đức nhập khẩu cà phê từ Việt Nam đạt 156,3 nghìn tấn, trị giá 332,55 triệu EUR (tương đương 351,18 triệu USD), tăng 10,1% về lượng và tăng 6,4% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. [6]

Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Đức từ thế giới tăng từ 19,24% trong 7 tháng đầu năm 2022 lên 23,35% trong 7 tháng đầu năm 2023. [6]

Theo Cục Xuất nhập khẩu – Bộ Công Thương, lũy kế 9 tháng đầu năm 2023, giá xuất khẩu bình quân cà phê của Việt Nam vẫn ở mức cao, ước đạt 2.499 USD/tấn, tăng 9,9% so với cùng kỳ năm 2022 (đây là mức giá cao trong nhiều năm qua). [7]

Xuất khẩu cà phê dự kiến sẽ tăng trở lại kể từ tháng 11 khi Việt Nam bước vào vụ thu hoạch cà phê niên vụ 2023 - 2024 (diễn ra trong quý 4/2023 và đầu quý 1/2024). Trong khi đó, giá cà phê nội địa cũng có thể giảm xuống. Mặc dù vậy, hiện giá cà phê đã thiết lập mặt bằng mới do chi phí đầu vào như điện, phân bón, thuốc trừ sâu...đều tăng. Dự báo trong ngắn hạn, giá cà phê nội địa vẫn duy trì trên 64.000 đồng/kg. [7]

Sơn La

Cà phê là cây trồng chủ lực của tỉnh Sơn La, với diện tích hơn 20.700 ha, sản lượng bình quân hàng năm trên 32.400 tấn cà phê nhân. Diện tích cà phê của tỉnh Sơn La chỉ chiếm 2,8% diện tích của cả nước, nhưng diện tích cà phê chè (Arabica) của tỉnh lại chiếm 50,34% diện tích cả nước. [8]

Tỉnh Sơn La phấn đấu đến năm 2025, duy trì và phát triển ổn định 3.000 ha cà phê, sản lượng từ 6.000-6.500 tấn cà phê nhân được chứng nhận đạt tiêu chuẩn sản xuất cà phê bền vững phục vụ xuất khẩu; hàng năm xuất khẩu từ 9.000-11.000 tấn cà phê nhân. [8]

Tỉnh Sơn La hướng đến mục tiêu phát triển cà phê bền vững với các giải pháp: (1) Tái canh diện tích cà phê già cỗi bằng giống mới, chất lượng cao. (2) Phát triển cà phê đặc sản, gắn với các sản phẩm OCOP. (3) Hỗ trợ doanh nghiệp, HTX liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ cà phê. [8]

HTX Cà phê Bích Thao (HTX), xã Hua La, Thành phố Sơn La là một trong những mô hình sản xuất cà phê mang lại hiệu quả cao trên địa bàn tỉnh. Tính đến năm 2022, HTX có 500 ha cà phê đặc sản, sản xuất theo hướng hữu cơ, chủ yếu là giống THA1, trong đó có khoảng 150 ha đã cho thu hoạch. Hiện nay, HTX đang sản xuất nhiều sản phẩm cà phê đặc sản, như cà phê bột nguyên chất, cà phê rang xay, trà vỏ cà phê CASCARA... Mỗi năm HTX thu mua, chế biến và tiêu thụ, xuất khẩu từ 2.000 - 4.000 tấn cà phê nhân; doanh thu hàng năm đạt trên 60 tỷ đồng. [8]

Lâm Đồng

Theo Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, cà phê Robusta là cây trồng chủ lực của tỉnh Lâm Đồng, với diện tích gần 160 ngàn ha, sản lượng hàng năm đạt trên 560 ngàn tấn. Mục tiêu của tỉnh Lâm Đồng là phát triển bền vững cây cà phê, giữ diện tích 170 ngàn ha vào năm 2025, trong đó diện tích cà phê Robusta 150 ngàn ha với năng suất 3,5 tấn/ha và tổng sản lượng vào khoảng 550 ngàn tấn. [9]

Tỉnh Lâm Đồng đang triển khai mô hình cà phê ứng dụng công nghệ cao với quy mô gần 2 ngàn ha. Trong đó bao gồm, 470 ha tại xã Hòa Bắc (huyện Di Linh), 370 ha tại xã Đỉnh Lạc (huyện Di Linh), 900 ha tại các huyện Lâm Hà, Lạc Dương và huyện Bảo Lâm. [9]

Giá cà phê Robusta trên thị trường thế giới và trong nước đang có xu hướng tăng cao, tạo cơ hội cho người trồng cà phê và các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu cà phê. [9]

Để tận dụng cơ hội này, tỉnh Lâm Đồng đang triển khai các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng của cà phê Robusta, bao gồm: (1) Tăng cường tái canh, ghép cải tạo cà phê với giống năng suất cao, chất lượng tốt, kháng bệnh gỉ sắt. (2) Phát triển mô hình cà phê ứng dụng công nghệ cao. (3) Thúc đẩy liên kết sản xuất, tiêu thụ cà phê giữa nông dân, doanh nghiệp và cơ quan quản lý. [9]

Nguồn tham khảo:

1. <https://www.investing.com/>
2. [Global Coffee Report](#)
3. [Vietnambiz](#)
4. [Cục Xuất nhập khẩu- Bộ Công Thương](#)
5. [Cộng tác viên khu vực Tây Nguyên](#)
6. [Cục Xuất nhập khẩu- Bộ Công Thương](#)
7. [Báo Công Thương](#)
8. [Báo Sơn La](#)
9. [Báo Lâm Đồng](#)

Giá cà phê nhân xô

Đơn vị: VND/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	66.100	66.000	64.800	64.800	64.000	65.140	-720
Di Linh	66.100	66.000	64.800	64.800	64.000	65.140	-720
Lâm Hà	66.100	66.000	64.800	64.800	64.000	65.140	-720
Bảo Lộc	66.100	66.000	64.800	64.800	64.000	65.140	-720
ĐẮK LẮK	66.533	66.533	65.333	65.333	64.433	65.633	-720
Cư M'gar	66.600	66.600	65.400	65.400	64.500	65.700	-720
Ea H'leo	66.500	66.500	65.300	65.300	64.400	65.600	-720
Buôn Hồ	66.500	66.500	65.300	65.300	64.400	65.600	-720
ĐẮK NÔNG	66.750	66.750	65.550	65.550	64.550	65.830	-800
Gia Nghĩa	66.800	66.800	65.600	65.600	64.600	65.880	-800
Đắk R'lấp	66.700	66.700	65.500	65.500	64.500	65.780	-800
GIA LAI	66.333	66.333	65.133	65.133	64.333	65.453	-500
Chư Prông	66.400	66.400	65.200	65.200	64.400	65.520	-500
Pleiku	66.300	66.300	65.100	65.100	64.300	65.420	-500
La Grai	66.300	66.300	65.100	65.100	64.300	65.420	-500
KON TUM	66.400	66.400	65.200	65.200	64.300	66.300	400
Đắk Hà	66.400	66.400	65.200	65.200	64.300	66.300	400

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com

Bản tin được thực hiện bởi **AGROINFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn